

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 11- 5- 2018

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
và yêu cầu hủy Giấy khai sinh”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Hùng Nuôi.

Ông Mai Thiện Kế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Trần Hồng Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10 và 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2018/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018, về việc: *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con và yêu cầu hủy giấy khai sinh”*.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2018/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị H (có mặt).

Địa chỉ: 1395 ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lâm Thị Hằng N - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng trực thuộc Sở Tư Pháp tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn D (có mặt).

Địa chỉ: 262/1 ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã Đại H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3.2/ Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng: Ông Phan Tân P, chức vụ: Công chức Tư pháp – Hộ tịch (theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2018 – vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người làm chứng:

4.1/ NLC1, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4.2/ NLC2, sinh năm 1952 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 262/1 ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

4.3/ NLC3, sinh năm 1962 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 350, ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

4.4/ NLC4, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Dương Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn Dương Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D tự nguyện làm đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào ngày 21/10/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 07/02/2017. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến khoảng tháng 05/2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông D không lo làm ăn để lo lắng cho vợ con mà còn thường xuyên đòi tiền, đòi lại vàng cưới và có hành vi xúc phạm đến Bà H cũng như gia đình của Bà H. Đến tháng 06/2017, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Sau đó, gia đình hai bên và vợ chồng không có gặp nhau để bàn bạc hàn gắn tình cảm. Nay Bà H yêu cầu ly hôn với ông D.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung là cháu Huỳnh Thị Hạnh N, sinh ngày 15/8/2017, hiện nay đang sống chung với ông D. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Lý do cháu N sống chung với ông D là do ông D bắt cháu lúc mới xuất viện, khi phát hiện Bà H có báo cho nhân viên bệnh viện đa khoa Trung Ương, các nhân viên bệnh viện có báo cho bảo vệ nhưng khi đó ông D đã ra khỏi bệnh viện.

Trước đây Bà H làm ở Công ty A, tỉnh Z và hiện nay bà nghỉ hộ sản, lương khoảng 6 triệu đồng/tháng (chưa trừ chi phí), nay bà sống chung với cha mẹ và cha mẹ làm ruộng được 03 công; cha mẹ bà có bán tạp hóa thu nhập hàng tháng trên 03 triệu đồng. Chồng bà (ông D) không có nghề nghiệp, sống phụ thuộc cha mẹ chồng, cha mẹ chồng cũng làm ruộng không rõ diện tích bao nhiêu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Bà H không yêu cầu giải quyết.
- Về giấy khai sinh cháu Huỳnh Thị Hạnh N (Huỳnh Thị Thùy D). Bà H yêu cầu hủy giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp cho cháu N với tên gọi Huỳnh Thị Thùy D.

Bị đơn Huỳnh Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà H tự nguyện làm đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào ngày 21/10/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 07/02/2017. Đến ngày 19/8/2017, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh kêu vợ về bên cha mẹ anh sống thì vợ ông không về, nên anh mới bồng con về bên cha mẹ ruột sống đến nay. Sau đó thì vợ anh cũng không có đến thăm nom, chăm sóc con. Việc Bà H không đến thăm con không phải do gia đình anh hăm dọa. Kể từ đó, vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Việc Bà H cho rằng anh không lo làm ăn để lo lắng cho vợ con, thường xuyên đòi tiền, đòi lại vàng cưới và có hành vi xúc phạm đến bà H cũng như gia đình bà H là không đúng. Sau khi ly thân, gia đình hai bên và vợ chồng không có gặp nhau để bàn bạc, hàn gắn tình cảm. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì vẫn còn thương vợ con. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D thay đổi ý kiến đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung là cháu Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 15/8/2017, chứ không phải cháu tên là Huỳnh Thị Hạnh N. Hiện nay cháu D đang sống chung với ông D. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con ông D không đồng ý; ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng bởi vì bà H không có điều kiện nuôi con.

Lý do bà H không đủ điều kiện nuôi con theo ông D là:

- + Bà H đi làm thuê bình quân hàng tháng trên 4 triệu đồng, nếu tăng ca lương trên 5 triệu đồng (chưa trừ chi phí khác);
- + Cha bà H bị bệnh hiểm nghèo, mẹ bà H bệnh tiểu đường và chỉ có 02 công ruộng.

Ngược lại ông D cho rằng ông có điều kiện nuôi con hơn, vì hiện nay ông đi làm thuê cho Công ty X tại Tp.HCM, lương bình quân hàng tháng 15 triệu đồng, ông sống chung với cha mẹ và 01 người em đã trưởng thành; cha mẹ canh tác 11 công đất ruộng và 10 công đất vườn, có chăn nuôi heo trên 10 con, thu nhập trên 50 triệu đồng/năm.

- Về tài sản chung: Trong ngày cưới cha mẹ ông D có cho vợ chồng 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24K; 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, bà H đã chi phí hết cho việc sinh con nên không còn. Nếu ly hôn, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản.

- Về nợ chung: Không có, ông D không yêu cầu giải quyết.

- Về Giấy khai sinh cháu Huỳnh Thị Thùy D (Huỳnh Thị Hạnh N). Ông yêu cầu hủy giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân xã H đã cấp cho cháu D với tên gọi

Huỳnh Thị Hạnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Đ trình bày:

Khi cấp giấy khai sinh cho cháu Huỳnh Thị Thùy D, Ủy ban nhân dân xã Đ hoàn toàn không biết cháu đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện M đã cấp giấy khai sinh với tên Huỳnh Thị Hạnh N. Khi làm thủ tục thì ông Huỳnh Văn D đã nộp đủ các loại giấy tờ theo quy định của pháp luật, công chức Tư pháp – Hộ tịch đã kiểm tra hồ sơ và trình cho Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy khai sinh cho trẻ theo đúng trình tự, quy định của Luật hộ tịch. Do đó, Ủy ban nhân dân xã Đ yêu cầu Tòa án căn cứ vào hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H trình bày:

Hiện nay bản chính giấy khai sinh của cháu Huỳnh Thị Hạnh N (Huỳnh Thị Thùy D) do Ủy ban nhân dân xã H lưu giữ theo quy định nên không thể cung cấp cho Tòa án. Giấy khai sinh con của bà Dương Thị H và ông Huỳnh Văn D do Ủy ban nhân dân xã H cấp trước Ủy ban nhân dân xã Đ với tên Huỳnh Thị Hạnh N. Ông D có yêu cầu hủy giấy khai sinh này thì đề nghị Tòa án căn cứ vào Luật hộ tịch và Nghị định hướng dẫn để giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo ý kiến của Ủy ban nhân dân xã H thì Giấy khai sinh cháu Huỳnh Thị Hạnh N được Ủy ban nhân dân xã H cấp là đúng quy định của pháp luật.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 04/2018/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018, đã quyết định căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 229, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị H và bị đơn ông Huỳnh Văn D, về việc hủy hai giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K và của Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho người con chung là cháu Huỳnh Thị Hạnh N (Huỳnh Thị Thùy D), sinh ngày 15/8/2017.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Văn D.

3/ Về con chung: Ông D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Hạnh N (Huỳnh Thị Thùy D), sinh ngày 15/8/2017 đến tuổi trưởng thành, bà H được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.

4/ Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông D đối với bà H.

5/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 08/02/2018, nguyên đơn bà Dương Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ giấy khai sinh số 394 do UBND xã Đ cấp ngày 13/9/2017 (về việc cấp giấy khai sinh cho Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 15/8/2017) có số định danh cá nhân: 094317004905; chấp nhận đơn khởi kiện của bà H về việc giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi đứa con chung tên Huỳnh Thị Hạnh N, sinh ngày 15/8/2017 đến khi tròn 18 tuổi, không yêu cầu ông Huỳnh Văn D cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và thay đổi một phần nội dung đơn kháng cáo, cụ thể: nguyên đơn rút lại yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ giấy khai sinh số 394 do UBND xã Đ cấp ngày 13/9/2017 (về việc cấp giấy khai sinh cho Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 15/8/2017) có số định danh cá nhân: 094317004905, giữ nguyên đòi với yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Thị Hạnh N (Huỳnh Thị Thùy D), sinh ngày 15/8/2017 đến khi tròn 18 tuổi, không yêu cầu ông Huỳnh Văn D cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, bà H có kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu hủy bỏ Giấy khai sinh do ủy ban nhân dân xã Đ cấp cho cháu Huỳnh Thị Thùy D. Tại phiên tòa hôm nay, bà H thay đổi yêu cầu kháng cáo là bà H chỉ kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, Tòa án sơ thẩm giao con cho ông D nuôi là chưa khách quan, theo khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình năm 2014, về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì có quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Nên bà H không thuộc trường hợp không đủ điều kiện nuôi con, hơn nữa, bà H thu nhập cũng trên 5.000.000đ/tháng có bằng lương cung cấp cho Tòa và ông D không trực tiếp nuôi con, cha mẹ ông D đã lớn tuổi, cháu N còn rất nhỏ mới có 09 tháng tuổi. Mặt khác, cháu là con gái nên giao cho bà H nuôi dưỡng chăm sóc thì sẽ phù hợp hơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H để đảm bảo quyền và lợi ích cho bà H cũng như tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tâm sinh lý.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; đồng thời không phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để các đương

sự thực hiện việc khiếu nại về việc Ủy ban nhân dân cấp 02 giấy khai sinh cho con của nguyên đơn và bị đơn vì cho đến thời điểm hiện nay 02 giấy khai sinh này đều có hiệu lực.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn Dương Thị H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và những người làm chứng đều vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Đối với quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị H và ông Huỳnh Văn D, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định cho bà H, ông D được ly hôn. Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị về phần này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét và đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

[2] Đối với kháng cáo của bà Dương Thị H về việc yêu cầu hủy Giấy khai sinh do UBND xã Đ cấp cho cháu Huỳnh Thị Hạnh N với tên gọi Huỳnh Thị Thùy D vào ngày 13/9/2017. Tại tòa bà H rút đối với yêu cầu này, căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo này.

[3] Đối với kháng cáo của bà Dương Thị H về con chung:

[3.1] Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông D có một người con chung tên là Huỳnh Thị Hạnh N (tên gọi khác: Huỳnh Thị Thùy D), sinh ngày 15/8/2017, hiện đang sống chung với ông D. Tại tòa bà H và ông D xác định Huỳnh Thị Hạnh N hay Huỳnh Thị Thùy D là 01 người. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông D không thỏa thuận được với nhau về vấn đề con chung và đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, Tòa án căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; đồng thời có quyền thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được ngăn cản.

[3.2] Nguyên đơn bà Dương Thị H cho rằng thu nhập bình quân hàng tháng của bà khoảng 6.000.000 đồng. Theo phiếu chi lương tháng 3/2017 của Công ty A

thì tiền lương và các khoản hỗ trợ khác bà H được nhận 5.137.169 đồng (Bút lục 65). Theo lời trình bày của ông Huỳnh Văn D và được sự xác nhận của Công ty X (Bút lục 87) thì thu nhập của ông D do công ty chi trả khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Như vậy, có cơ sở để xác định về điều kiện tài chính thì thu nhập hàng tháng của ông D cao hơn thu nhập của bà H.

[3.3] Theo quy định tại khoản 3, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*.

Như vậy, cháu Huỳnh Thị Hạnh N (còn tên gọi khác là Huỳnh Thị Thùy D), sinh ngày 15/8/2017 tính đến ngày xét xử sơ thẩm chỉ được 08 tháng tuổi. Về nguyên tắc, nếu mẹ ruột của cháu N là bà Dương Thị H có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con thì Tòa án cần phải giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, xét về điều kiện sống thực tế, cả bà H và ông D đều có nguồn thu nhập chủ yếu từ việc làm thuê cho Công ty tư nhân tại tỉnh Z và thành phố Hồ Chí Minh. Theo biên bản xác minh ngày 31/10/2017, NLC1 là Trưởng ban nhân dân ấp nơi bà H cư trú cho biết: Trước đây bà H làm công nhân ở huyện K (tỉnh Z); sau khi sinh con thì ở nhà nghỉ làm cho đến nay. Về gia đình, cha mẹ bà H có 3.000m² đất trồng mía, không có buôn bán gì thêm. Như vậy, trong trường hợp phải dành thời gian trực tiếp nuôi dưỡng con thì bà H sẽ phải nghỉ việc và mất nguồn thu nhập chủ yếu, không đảm bảo điều kiện để nuôi con. Trong khi cháu N (Thùy D) sống với gia đình ông D từ nhỏ, phía ông D nuôi và có sự chăm sóc tốt cháu N (Thùy D), cuộc sống của cháu đã ổn định, trong suốt quá trình ông D nuôi con bà H không đến thăm nom, chăm sóc cháu N (Thùy D). Việc bà H cho rằng do sợ gia đình ông D chửi và đánh nên bà không đến thăm nom con, đây không phải là lý do chính đáng và bà cũng không có chứng cứ hay người làm chứng chứng minh trình bày của bà là sự thật, đồng thời suốt quá trình này bà cũng không khiếu nại gì việc ông D trực tiếp nuôi con hay có lời lẽ hăm dọa bà.

Cháu Huỳnh Thị Hạnh N (Huỳnh Thị Thùy D) sinh ngày 15/8/2017 sau khi sinh đã được ông Huỳnh Văn D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay. Qua xác minh thực tế, lời trình bày của NLC2 và các tài liệu do bị đơn cung cấp cho thấy ngoài thu nhập chủ yếu từ Công ty X thì ông D có điều kiện để sản xuất, tạo thu nhập khác đảm bảo điều kiện sống tốt cho cháu Huỳnh Thị Hạnh N. Từ tháng 8/2017 đến nay, cháu N đã được ông D và gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Việc thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến thể chất và tinh thần (đời sống tâm sinh lý và tình cảm) của cháu. Trong trường hợp sau này điều kiện sống có sự thay đổi, nếu có căn cứ cho rằng việc ông D trực tiếp nuôi dưỡng con chung không còn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con thì bà H có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao cháu Huỳnh Thị Hạnh N (Huỳnh Thị Thùy D) cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với lợi ích của cháu. Kháng cáo của bà H về phần này là không có căn cứ

để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, đồng thời lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là chưa có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa để các đương sự thực hiện việc khiếu nại UBND cấp 02 giấy khai sinh cho cháu Huỳnh Thị Hạnh N (Huỳnh Thị Thùy D). Xét thấy, tại tòa nguyên đơn và bị đơn xác định Huỳnh Thị Hạnh N (Huỳnh Thị Thùy D) sinh ngày 15/8/2017 là một người, việc cấp sơ thẩm ghi tên cháu Huỳnh Thị Hạnh N (Huỳnh Thị Thùy D) sinh ngày 15/8/2017 là có căn cứ, nên việc Viện kiểm sát yêu cầu tạm ngừng phiên tòa là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Dương Thị H.

2/- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2018/HNGĐ-ST, ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng như sau:

2.1/ Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị H và bị đơn ông Huỳnh Văn D, về việc hủy hai giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K và của Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho người con chung là cháu Huỳnh Thị Hạnh N (Huỳnh Thị Thùy D), sinh ngày 15/8/2017.

2.2/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Văn D.

2.3/ Về con chung: Ông Huỳnh Văn D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Hạnh N (tên gọi khác là Huỳnh Thị Thùy D), sinh ngày 15/8/2017 đến khi tròn 18 tuổi. Bà Dương Thị H được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.

2.4/ Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông Huỳnh Văn D đối với bà Dương Thị H.

2.5/ Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết.

3/- Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4/- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0000998, ngày 08/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Bà Dương Thị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5/- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tăng Thị Thúy Nga